

**CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THUỘC
HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN NĂM HỌC 2024-2025**
(Kèm theo QĐ số: 16/QĐ-THPTS4TP ngày 14/9/2024 của Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ văn bản số 4148/UBND-VX ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ công văn số 1597/SGD&ĐT-QLCL ngày 23/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai về việc hướng dẫn thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai, năm học 2024-2025;

Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai **công khai** trong trường học đầu năm học 2024 - 2025 như sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục: **Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai**
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: Thôn Xi Măng, xã Cam Đường, thành phố Lào Cai, Lào Cai.

Điện thoại: 02143.852.092

Thư điện tử: thptlaocai4@laocai.edu.vn

Trang web: thptso4laocai.laocai.edu.vn

- 3.- Sứ mệnh: Là trường THPT uy tín, chất lượng của thành phố Lào Cai. - Là nơi học sinh tin tưởng, lựa chọn để học tập, thể hiện năng lực bản thân và thỏa mãn đam mê, khát vọng.

- Tầm nhìn:

+ Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, nền nếp, chất lượng giáo dục ổn định, bền vững.

+ Học sinh được phát triển tài năng, tư duy sáng tạo, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

- Mục tiêu: Tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, kỷ cương, trung thực, tự học, sáng tạo, hợp tác. Tình thương nhân ái, khát vọng vươn lên.

4. Quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai ở vị trí phía nam của thành phố, thuộc thôn Xi Măng, xã Cam Đường, thành phố Lào Cai. Trường THPT số 4 TP Lào Cai (tiền thân là trường PTTH Bán công thị xã Cam Đường) được thành lập theo Quyết định số 276/1999/QĐ, ngày 08/10/1999 của UBND tỉnh Lào Cai. Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, với sự phấn đấu, nỗ lực không mệt mỏi, sự cống hiến, hy sinh thầm lặng của các thế hệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, nhà trường đã đạt được những thành tích đáng tự hào.

5. Thông tin người đại diện:

- Họ và tên: **NGUYỄN THẾ MẠNH** – Hiệu trưởng trường THPT số 4 thành phố Lào Cai

- Số điện thoại: 02143.852.092 Email: thptlaocai4@laocai.edu.vn

6. Tổ chức bộ máy:

a, Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có): Quyết định số: 2280/QĐ-UBND ngày 28/7/2009 của UBND tỉnh Lào Cai.

b, Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Quyết định số: 409/QĐ-SGD&ĐT ngày 14/5/2020 của Sở GD&ĐT Lào Cai.

c, Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 196/QĐ-SGD&ĐT ngày 01/04/2020

Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 137/QĐ-SGD&ĐT ngày 29/01/2021

d, Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

e, Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo:

- Họ và tên: **NGUYỄN THẾ MẠNH** – Hiệu trưởng trường THPT số 4 thành phố Lào Cai

- Số điện thoại: 02143.852.092 Email: thptlaocai4@laocai.edu.vn

Điều 5. Thu, chi tài chính

Theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của

Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau: a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024)

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Số tiền
1	Ngân sách 2024 và học phí	Chi lương, các khoản đóng theo lương.	6.057 đ
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục.	540 đ
		Chi chế độ chính sách.	420 đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

(Biểu công khai tài chính kèm theo)

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: miễn học phí theo theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP, Nghị quyết 29/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết 15/2023/NQ-HĐND ; Nghị định 116/2026/NĐ-CP.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). **Không**

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

Mục 3. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông 1.

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Cán bộ quản lý: 03;
- Giáo viên: 32;
- Nhân viên: 05.

- a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Giáo viên

TT	Môn	Giáo viên		Đăng viên	Biênché	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Toán	6	6	6	6		2	4		

2	Vật lí	3	2	3	3		1	2		
3	Hóa học	2	2	1	2			1		
4	Sinh học	2	2	1	2			2		
5	Công nghệ	1	1		1			1		
6	Văn	4	4	3	4			4		
7	Lịch sử	2	1	2	2		1	1		
8	Địa lí	3	2	3	3		1	2		
9	Tiếng Anh	4	4	2	4		1	3		
10	GDCD	2	2	2	2			2		
11	Thể dục	1	1		1			1		
12	GDQP-AN	1		1	1			1		

- Cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Môn	Số lượng		Đang viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Hiệu trưởng	1		1	1		1			
2	Phó Hiệu trưởng	2		2	2		1	1		
3	Kế toán	1	1		1			1		
4	Thủ quỹ	1	1		1					1
5	Thư viện	1	1	1	1			1		
6	Thiết bị	1		1	1			1		
7	Bảo vệ	1				1				1

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Cán bộ quản lý 03, đạt chuẩn 100%;

- Giáo viên 32, đạt chuẩn 100%.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý 03, đạt bồi dưỡng 100%;

- Giáo viên 32, đạt bồi dưỡng 100%.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường 11.200m²,

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 14,0m²; Đạt yêu cầu

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	18	
2	Phòng tin học	1	
3	Phòng thư viện	1	
4	Kho thiết bị	3	
5	Phòng học bộ môn Hóa - Sinh	1	
6	Phòng học bộ môn Lý - Công nghệ	1	
7	Phòng Bảo vệ	1	
8	Nhà đa năng	1	
9	Sân thể thao	1	
10	Tổng diện tích đất	11200	
11	Nhà xe giáo viên và học sinh	2	
12	Số máy vi tính	24	
13	Số máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	5	
14	Tivi	11	
15	Sách giá khoa 10,11,12	800	
16	Sách tham khảo	Đủ dùng	
17	Internet	VNPT, Viettel	

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Phòng vi tính 24 chiếc;

Ti vi (thay máy chiếu): 10chiếc

Cơ bản đảm bảo đủ điều kiện học tập.

d, Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Thực hiện theo bộ sách được Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai phê duyệt

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a, Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

1.Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 2, 3, 4

Tiêu chuẩn, tiêu chí không đạt	Kết quả			
	Đạt			Không đạt
	Mức 2	Mức 3	Mức 4	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường				Không đạt
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển NT	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó HT, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.5: Lớp học	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giao dục	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh				Không đạt
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học				Không đạt
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập				- Không đạt: Thiếu phòng làm việc riêng cho công đoàn, đoàn thanh niên (Đang xây dựng);

				- Thời gian đạt: Dự kiến hoàn thành trong năm 2024
Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị				- Không đạt: Chưa có các phòng họp của từng tổ bộ môn (Đang xây dựng). - Thời gian đạt: Dự kiến hoàn thành trong năm 2024
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 3.5: Thiết bị				- Không đạt: chưa có thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ phòng họp của các tổ chuyên môn; Thiết bị dạy học hỏng nhiều, nhiều hóa chất hết hạn sử dụng; một số bộ thiết bị Vật lý không đồng bộ, hỏng - Thời gian đạt: Dự kiến hoàn thành trong năm 2025
Tiêu chí 3.6: Thư viện				- Không đạt: Thư viện chưa đạt chuẩn theo tiêu chí mới. - Thời gian đạt: Dự kiến hoàn thành trong năm 2025
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội				
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục				
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.2: Tổ chức HĐGD cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Đạt	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung GD địa phương theo quy định	Đạt	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	Đạt	Đạt	Không đạt	

1.2. Kết luận: Trường đạt Mức: **Không đạt**

b, Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm. Thực hiện tự đánh giá hàng năm

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a, Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; (không thực hiện)

b, Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục; (không thực hiện)

c, Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Anh

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 270 học sinh (06 lớp).

2. Đối tượng và điều kiện dự thi

Học sinh tốt nghiệp THCS, bổ túc THCS có tuổi theo quy định của điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, có đầy đủ hồ sơ và hộ khẩu thường trú tại địa bàn thành phố Lào Cai trước tháng 6/2024.

3. Hồ sơ dự thi gồm

Phiếu đăng ký dự thi; Học bạ THCS (bản chính); Giấy khai sinh (bản sao công chứng); Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc Bằng tốt nghiệp THCS (đối với những thí sinh trong độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường trung học); 02 ảnh cỡ 3x4 cm kiểu chân dung; Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

4. Thời gian nộp hồ sơ

Thu hồ sơ từ 07h30 ngày 21/5/2024 đến 16h00 ngày 27/5/2024.

Địa điểm: Trường THPT số 4 thành phố, thôn Xi Măng, xã Cam Đường, thành phố Lào Cai.

5. Môn thi, hình thức thi.

- Môn thi: Toán, Ngữ văn và Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc).

- Hình thức thi: Đề thi theo hình thức tự luận; đề thi môn Ngoại ngữ kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm khách quan, thi 02 kỹ năng: Đọc, Viết.

- Lịch thi: 02 ngày, từ ngày 04/6/2024 đến ngày 05/6/2024.

b, Kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 của trường THPT số 4 thành phố Lào Cai, đăng tải trên website: thptso4laocai.laocai.edu.vn.

c, Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

1. Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khỏe sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh).

2. Phối hợp trong quản lí học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.
3. Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.
4. Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.
- d, Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

TT	Nội dung	Thời gian	Phụ trách
1	Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam	Tháng 11	Công đoàn, Đoàn thanh niên
2	Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3	Tháng 3	BCH Công đoàn
3	Trải nghiệm, hướng nghiệp	Theo năm học	Giang Thanh thảo
4	Các hoạt động khác đột xuất	Theo kế hoạch	Công đoàn, Đoàn thanh niên

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có). (không)

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a, Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp	Kế hoạch giao		Thực hiện đầu năm		Sĩ số hiện tại	Ghi chú
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS		
10	6	270	6	272	272	02 học sinh lưu ban
11	6	264	6	269	269	
12	6	250	6	257	257	
Cộng	18	784	18	798	798	

b, Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp năm học 2023-2024

Khố i	Sĩ số	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		S L	TL	SL	TL	SL	TL	S L	TL	SL	TL	SL	TL	S L	TL	S L	TL

Khối 10	269	34	12.6 %	13 2	49.1 %	99	36.8 %	4	1.5 %	18 4	68.4 %	77	28.6 %	8	3.0 %	0	0.0 %
Khối 11	255	39	15.3 %	15 0	58.8 %	65	25.5 %	1	0.4 %	16 9	66.3 %	68	26.7 %	15	5.9 %	3	1.2 %

STT	Sĩ số	Học lực								Hạng kiểm							
		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 12	162	30	18.5%	112	69.1%	20	12.3%	0	0.0%	143	88.3%	19	11.7%	0	0.0%	0	0.0%

Học sinh lên lớp 524/526 HS đạt 99.6%, (với 02 em ở lại lớp)

c, Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông. Năm học 2023-2024.

Học sinh tốt nghiệp 162/162 tỉ lệ 100%.

Học sinh tiếp tục học lên ĐH, CĐ trên 95% (tổng số nguyện vọng đăng kí).

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài). (không thực hiện).

Trường THPT số 4 TP Lào Cai **công khai** trong trường học, đầu năm học 2024 – 2025.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (báo cáo);
- Đăng trên trang Web trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thế Mạnh